TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 95**/2024/KDTM-ST
Ngày 24/07/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Lan Ka**
2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương** – Cán bộ Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Đào Linh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2024/TLST - KDTM ngày 19/01/2024 về vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2024/QĐXX- KDTM ngày 08/7/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng A**. Địa chỉ: số 2 H, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai P – Giám đốc Ngân hàng A– Chi nhánh Y (Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022). Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Hồng S – Phó Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Y. (Theo Giấy ủy quyền số 05/UQ-NHNoTY-TD ngày 16/01/2024). (Ông Sơn có mặt)

* Bị đơn: **Công ty TNHH H**. Địa chỉ: số A phố C, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thúy H. Chức danh: Giám đốc. (Bà H xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng A (gọi tắt là A) trình bày:

Ngày 25/07/2013, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300574/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn). Kỳ hạn vay : 10 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 227/2013/HĐKT ngày 22/07/2013 giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH H.

Ngày 29/07/2013, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300590/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng). Kỳ hạn vay : 10 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 267/2013/HĐKT ngày 25/07/2013 giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH H.

Ngày 31/07/2013, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300603/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán hợp đồng kinh tế số 297/2013/HĐKT ngày 29/07/2013 giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH H.

Ngày 09/10/2013, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300855/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 6.700.000.000 đồng (Sáu tỷ, bẩy trăm triệu đồng). Kỳ hạn vay: 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán Hợp đồng kinh tế số 309/2013/HĐKT ngày giữa Công ty TNHH B và Công ty TNHH H.

Ngày 29/10/2013, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300921/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán Hợp đồng kinh tế số 2510/2013/HĐKT ngày 25/10/2013 giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH H.

Ngày 29/11/2013, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201301076/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán Hợp đồng kinh tế số 2611/2013/HĐKT ngày 26/11/2013 giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH H.

Ngày 26/03/2014, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400291/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán Hợp đồng kinh tế số 0803/2014/HĐKT ngày 08/03/2014.

Ngày 28/03/2014, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400315/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Kỳ hạn vay : 10 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán Hợp đồng kinh tế số 1203/2014/HĐKT ngày 12/03/2014.

Ngày 01/04/2014, A Chi nhánh Y đã ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400339/HĐTD chấp thuận cho Công ty TNHH H vay số tiền là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán Hợp đồng kinh tế số 2003/2014/HĐKT ngày 20/03/2014.

Tổng số tiền vay 17.700.000.000 VNĐ (Mười bảy tỷ, bảy trăm triệu đồng) của 09 hợp đồng tín dụng kèm Phụ lục hợp đồng nói trên được bảo đảm bằng 01 tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Quốc V và vợ Bà Vũ Thị H, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 122, Tờ bản đồ 04, địa chỉ: Số 44 ngõ 115 đường K, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 007934, số vào sổ cấp GCN : CH 1848/QĐ-

UBND/2010/412 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 01/07/2010 mang tên ông Nguyễn Quốc V và bà Vũ Thị H, ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 1450.2010/HĐTC ký ngày 30/11/2010 tại Văn phòng công chứng A1 Thành phố Hà Nội, đăng ký thế chấp ngày 01/12/2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Cầu Giấy, diện tích đất ở 64m2. Trị giá tài sản: 10.000.000.000 đồng.

Thực hiện nghĩa vụ theo 09 Hợp đồng tín dụng nêu trên, A Chi nhánh Y đã giải ngân tiền vay theo đúng các thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho Công ty TNHH H. Cụ thể như sau:

Ngày 25/07/2013, giải ngân số tiền : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300574/HĐTD. Kỳ hạn vay: 10 tháng; Lãi suất: 11.5%/năm ; thời hạn vay từ ngày 25/07/2013 đến hết ngày 25/05/2014.

Ngày 29/07/2013, giải ngân số tiền: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300590/HĐTD. Kỳ hạn vay : 10 tháng ; Lãi suất: 11.5%/năm; thời hạn vay từ ngày 29/07/2013 đến hết ngày 29/05/2014.

Ngày 31/07/2013, giải ngân số tiền : 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Kỳ hạn vay: 11 tháng ; Lãi suất: 11.5%/năm ; thời hạn vay từ ngày 31/07/2013 đến hết ngày 30/06/2014.

Ngày 09/10/2013, giải ngân số tiền : 6.700.000.000 đồng (Sáu tỷ, bẩy trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300855/HĐTD. Kỳ hạn vay: 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; thời hạn vay từ ngày 09/10/2013 đến hết ngày 09/09/2014.

Ngày 29/10/2013, giải ngân số tiền : 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất: 11.5%/năm ; thời hạn vay từ ngày 29/10/2013 đến hết ngày 29/09/2014.

Ngày 29/11/2013, giải ngân số tiền : 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201301076/HĐTD. Kỳ hạn vay : 11 tháng; Lãi suất : 11.5%/năm ; thời hạn vay từ ngày 29/11/2013 đến hết ngày 29/10/2014.

Ngày 26/03/2014, giải ngân số tiền : 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400291/HĐTD. Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Thời hạn vay từ ngày 26/03/2014 đến hết ngày 26/02/2015.

Ngày 28/03/2014, giải ngân số tiền : 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400315/HĐTD. Kỳ hạn vay : 10 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm ; Thời hạn vay từ ngày 28/03/2014 đến hết ngày 28/01/2015.

Ngày 01/04/2014, giải ngân số tiền : 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400339/HĐTD số tiền là: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Kỳ hạn vay : 11 tháng ; Lãi suất : 11.5%/năm. Thời hạn vay từ ngày 01/04/2014 đến hết ngày 01/03/2015.

Theo qui định của 09 Hợp đồng tín dụng nói trên, Công ty TNHH H có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh vào ngày 10 hàng tháng, nợ gốc được thanh toán vào cuối kỳ của kỳ hạn vay. Tuy nhiên, trên thực tế Công ty TNHH H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi phát sinh hàng tháng kể từ tháng 02/20214 cho Ngân hàng.

Về phía Ngân hàng đã đến làm việc trực tiếp với Công ty TNHH H và chủ tài sản là ông Nguyễn Quốc V và Bà Vũ Thị H bảo đảm cho Công ty vay vốn và yêu cầu

ông bà thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ lãi đến hạn cho Công ty TNHH H và đã có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty H, nhưng Công ty TNHH H không trả nợ.

A Chi nhánh Y đã nhiều lần gửi giấy báo nợ quá hạn cho Công ty TNHH H và đã có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Nhưng Công ty TNHH H không trả nợ.

Ngày 24/06/2014, 09/07/2014, 18/07/2014, 01/07/2014, 31/12/2016, A Chi nhánh Y đã gửi thông báo 'V/v : Thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn 'cho Công ty TNHH H và đã có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Nhưng Công ty TNHH H đã không trả nợ.

Các ngày 20/11/2019, 15/06/2019, 25/04/2017, 04/11/2015, 06/04/2015 30/09/2014, 13/01/2015, 14/09/2016 A Chi nhánh Y đã tiến hành làm việc với Công ty TNHH H yêu cầu Công ty TNHH H trả nợ. Nhưng Công ty TNHH H đã không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2023 là **16.124.862.000đồng** (trong đó nợ gốc 9.032.339.673 đồng; nợ lãi trong hạn: 7.092.522.327 đồng) theo 09 Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1302-LAV201400315 ngày 28/3/2014; 1302-LAV201400291 ngày 26/3/2014; 1302-LAV201300590 ngày 29/7/2013; 1302-LAV201300855 ngày 09/10/2013; 1302-LAV201300603 ngày 31/7/2013; 1302-LAV201201300921 ngày 29/10/2013; 1302-LAV201400339 ngày 01/4/2014; 1302-LAV201300574 ngày 25/7/2013; 1302-LAV201301076 ngày 29/11/2013 và các phụ lục hợp đồng.

2. Công ty TNHH H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại 09 Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty TNHH H trả hết nợ gốc cho A.

3. Nếu Công ty TNHH H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho A thì A thông qua A Chi nhánh Y có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo của ông Nguyễn Quốc V và vợ bà Vũ Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1450.2010/HĐTC ký ngày 30/11/2010 tại văn phòng công chứng A1 là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 04, địa chỉ số 44 ngõ 115 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/5/2024, ông Nguyễn Quốc V và bà Vũ Thị H đã trả hết nợ gốc và một phần nợ lãi, số còn lại xin ngân hàng miễn giảm đối với tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 122, Tờ bản đồ 04, địa chỉ: Số 44 ngõ 115 đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 007934, số vào sổ cấp GCN : CH 1848/QĐ-UBND/2010/412 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 01/07/2010 mang tên ông Nguyễn Quốc V và Bà Vũ Thị H, ký hợp đồng thế chấp số công chứng 1450.2010/HĐTC ký ngày 30/11/2010 tại văn phòng công chứng A1 Thành phố Hà Nội, đăng ký thế chấp ngày 01/12/2010 tại văn phòng đăng ký đất và nhà quận Cầu

Giấy. A Chi nhánh Y đã xem xét miễn giảm lãi theo đúng quy định và giải chấp tài sản cho Ông Nguyễn Quốc V và bà Vũ Thị H sau khi thu đủ nghĩa vụ.

Ngày 16/01/2024, A - Chi nhánh Y xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện số 21/NHNoTY-TD đối với tài sản thế chấp nêu trên. Nay A Chi nhánh Y đề nghị Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đưa vụ án ra xét xử:

1. Buộc Công ty TNHH H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 24/07/2024 là: 4.970.531.313 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm bẩy mươi triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, ba trăm mười ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 0 VNĐ. Nợ lãi trong hạn: 4.970.531.313 VNĐ. Nợ lãi quá hạn: 0 VNĐ

2. Tuyên A thông qua A Chi nhánh Y có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn – Công ty TNHH H do Bà Phạm Thị Thúy Hồng làm đại diện trình bày:***

Khoảng năm 2015, do có quan hệ xã hội với ông Nguyễn Quốc V nên bà có về Công ty H của ông Nguyễn Quốc V (là chủ tịch Hội đồng quản trị) để làm kế toán sau đó ông V có nhờ bà đứng lên làm đại diện cho công ty, thời điểm bà làm kế toán chị Hoàng Thị Minh Nghĩa đang làm giám đốc nhưng do công ty hoạt động kém nên ông V nhờ bà thay thế vai trò của chị Nghĩa. Thời gian này ông V là người điều hành chính ở Công ty. Thời điểm năm 2015, khi bà làm việc tại Công ty TNHH H chỉ là văn phòng làm việc tại phố Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội. Bà có biết theo đăng ký kinh doanh thì Công ty TNHH H có địa chỉ tại số 86 phố Mới Cầu Bây, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội nhưng bà chưa sang đó bao giờ. Bà chỉ làm được khoảng thoài gian gần 01 năm sau đó ngày 28/6/2016, bà có bàn giao con dấu cho ông Nguyễn Quốc V. Trong biên bản bàn giao con dấu ngày 28/06/2016 Công ty TNHH H cho ông Nguyễn Quốc V kể từ ngày ký biên bản bàn giao bà không còn chịu trách nhiệm về bất kỳ chữ ký hoặc đóng dấu của Công ty TNHH H, nếu có chữ ký mạo danh ông Nguyễn Quốc V sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Khi đó có sự chứng kiến của chị Phạm Thị Hoài. Khi bàn giao ông V hứa sẽ thay đổi người đại diện của Công ty và có cho bà ký 1 bộ hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật, do lâu bà không còn nhớ rõ là các văn bản gì. Bà cũng sơ suất không hỏi lại ông V đã nộp hồ sơ thay đổi cho bà chưa nên không biết ông V chưa thay đổi ai mà vẫn là bà đứng tên đại diện theo pháp luật của công ty. Sau đó, bà đã chuyển đi cơ quan khác và không liên hệ gì với ông V. Bà xác nhận không biết các hợp đồng Công ty TNHH H ký vay vốn với Ngân hàng A cụ thể như Tòa án có cho xem các tài liệu chứng cứ gồm các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp ký kết năm 2013 khi bà chưa về làm việc, nên bà không có ý kiến gì đối với các tài liệu này, bà không ký kết, không tham gia. Thời điểm bà làm kế toán cũng không nắm được các khoản vay này vì chỉ làm mảng kế toán nội bộ, bao gồm cả văn phòng. Những hợp đồng này đã được ký kết trước thời điểm bà nhận làm đại diện của Công ty, bà không biết vay mượn cụ thể và nợ như thế nào, bà không tham gia nên từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án Ba Đình không triệu tập đối với bà.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về Công ty TNHH H như sau:

Công an xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Công an xã Cổ Bi cung cấp thông tin địa chỉ của Công ty TNHH H: Tại xã Cổ Bi không có địa chỉ số 86 phố Mới Cầu Bây.

Công an phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội cung cấp thông tin địa chỉ của Công ty TNHH H: Tại phường Sài Đồng không có địa chỉ số 86 phố Mới Cầu Bây.

Tại Công văn số 1224/CCTT – ĐKKD ngày 29/3/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin công ty TNHH H; mã số doanh nghiệp: 0101024688 Giấy chứng nhận ĐKDN đăng ký lần đầu ngày 09/5/2000; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 22/10/2015. Đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QDTH/28753 ngày 07/12/2018 của phòng đăng ký kinh doanh nhưng doanh nghiệp chưa thực hiện thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn - đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A–giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

1. Tuyên buộc Công ty TNHH H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 24/07/2024 là: 4.970.531.313 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm bẩy mươi triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, ba trăm mười ba đồng) trong đó: Nợ gốc: 0 VNĐ. Nợ lãi trong hạn: 4.970.531.313 VNĐ. Nợ lãi quá hạn: 0 VNĐ

2. Tuyên A thông qua A Chi nhánh Y có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Được nhận thông báo, quyết định và các văn bản do Tòa án giải quyết trong quá trình chuẩn bị xét xử theo đúng quy định, được quyền xem, sao lục các tài liệu do Tòa án thu thập cũng như do các bên đương sự cung cấp, được quyền trình bày, hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Đối với việc xin vắng mặt tại phiên tòa của người đại diện theo pháp luật của bị đơn là hợp lệ nên việc Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Avề tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH H. Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng Avà Công ty TNHH H là tranh chấp giữa hai doanh nghiệp cùng có tư cách pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Các bên thống nhất thoả thuận theo các Hợp đồng tín dụng: "trường hợp không thương lượng giải quyết được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc có liên quan tới hợp đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án nhân dân nơi bên A đóng trụ sở - Ngân hàng A có địa chỉ tại số 2 H, Ba Đình, Hà Nội nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về tư cách đương sự:

Ngày 04/07/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH H, cụ thể: là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 04, địa chỉ số 44 ngõ 115 đường K, phường Y, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 007934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 1848/QĐ – UBND/2010/412 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 01/07/2010 mang tên ông Nguyễn Quốc V và bà Vũ Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 1450.2010/HĐTC ký ngày 30/11/2010 tại Văn phòng công chứng A1".

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ các Điều 5, 48, 70, 68, 198, 199 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Ba Đình xác định chấm dứt tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Quốc V, bà Vũ Thúy H, anh Nguyễn Tuấn Phong, anh Nguyễn Tuấn Minh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về tố tụng:

Toà án đã tống đạt hợp lệ, đến phiên toà cho bị đơn nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn – Công ty TNHH H không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1]. Xét 09 Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1302-LAV201400315/HĐTD ngày 28/3/2014; 1302-LAV201400291/HĐTD ngày 26/3/2014; 1302-LAV201300590/HĐTD ngày 29/7/2013; 1302-LAV201300855/HĐTD ngày 09/10/2013; 1302-LAV201300603/HĐTD ngày 31/7/2013; 1302-LAV201201300921/HĐTD ngày 29/10/2013; 1302-LAV201400339/HĐTD ngày

01/4/2014; 1302-LAV201300574/HĐTD ngày 25/7/2013; 1302-LAV201301076/HĐTD ngày 29/11/2013 cùng các phụ lục hợp đồng kèm theo đều được lập thành văn bản và được ký kết bởi đại diện hợp pháp của Ngân hàng A – Chi nhánh Nam Y và Công ty TNHH H trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên. Về nội dung của các hợp đồng tín dụng, có thỏa thuận của 02 bên liên quan đến khoản tiền cho vay, lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay, quyền và nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Như vậy, hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, phù hợp với các quy định tại Điều 401; 402; 403; 404; 405; 406; 471; 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành.

Theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300574/HĐTD, ngày 25/07/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn).

Theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300590/HĐTD, ngày 29/07/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền : 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300603/HĐTD ngày 31/07/2013 Ngân hàng giải ngân số tiền : 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300855/HĐTD ngày 09/10/2013 ngân hàng giải ngân số tiền : 6.700.000.000 đồng (Sáu tỷ, bẩy trăm triệu đồng) ,

Theo Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201300921/HĐTD ngày 29/10/2013 giải ngân số tiền : 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201301076/HĐTD, ngày 29/11/2013 ngân hàng giải ngân số tiền : 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Theo hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400291/HĐTD, ngày 26/03/2014 Ngân hàng giải ngân số tiền : 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng)

Theo hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400315/HĐTD, ngày 28/03/2014 ngan hàng giải ngân số tiền : 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Theo hợp đồng tín dụng số 1302-LAV201400339/HĐTD, ngày 01/04/2014 ngân hàng giải ngân số tiền : 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH H là 17.700.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH H đã trả được toàn bộ nợ gốc 17.700.000.000 đồng; và 588.773.591 đồng nợ lãi, được miễn giảm 2.238.387.500đồng tiền lãi trong hạn.

[5.2] Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất, nhận thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy*

định của pháp luật". Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *"Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả"*.

Về lãi suất cho vay được thể hiện trong Giấy nhận nợ, tuy nhiên, xét Ngân hàng điều chỉnh áp dụng mức lãi suất vay cao nhất cho khoản vay là 4,86%/năm từ thời điểm năm 2014 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm không trái quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay 1627.

Xét thấy, căn cứ trên bảng kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, lãi suất để tính lãi phát sinh được chia theo từng giai đoạn và được điều chỉnh phù hợp với quy định cuả pháp luật; các bên đương sự không có tranh chấp gì về lãi suất và cách tính lãi của Ngân hàng nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán về lãi cho Ngân hàng.

Buộc Công ty TNHH H phải trả cho A số dư nợ lãi còn lại theo Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng kèm theo đã ký giữa Ngân hàng với Công ty TNHH H tính đến ngày 24/7/2024 là **4.970.531.313** đồng (Bốn tỷ, chín trăm bẩy mươi triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, ba trăm mười ba đồng).

[6]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí:

Nguyên đơn - Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền được chấp nhận; Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.000.000 đồng.

Bị đơn - Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112,970,531 đồng.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 255; 256; 322; 323; 355; 342; 343; 401; 402; 403; 404; 405; 406; 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 280, 317, 318, 325, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng;

- Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty TNHH H theo các hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo, cụ thể: Hợp đồng cấp tín dụng số 1302-LAV201400315 ngày 28/3/2014; 1302-LAV201400291 ngày 26/3/2014; 1302-LAV201300590 ngày 29/7/2013; 1302-LAV201300855 ngày 09/10/2013; 1302-LAV201300603 ngày 31/7/2013; 1302-LAV201201300921 ngày 29/10/2013; 1302-LAV201400339 ngày 01/4/2014; 1302-LAV201300574 ngày 25/7/2013; 1302-LAV201301076 ngày 29/11/2013.

II. Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Ngân hàng A tính đến ngày 24/7/2024 số nợ lãi là : **4.970.531.313 đồng (Bốn tỷ, chín trăm bảy mươi triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, ba trăm mười ba đồng).**

III. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH H phải chịu án phí sơ thẩm là 112,970,531 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi mốt đồng).

Ngân hàng A được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 004825 ngày 19/01/2024 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

V. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA DS quận Ba Đình;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;V.phòng*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Phương